

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

**Bài học ngày 16.6.2022**

---

## II. Phẩm Không Dể Duôi \_ Kệ số 6&7

### Duyên sự:

Hai bài kệ này được đức Phật thuyết tại Jetavana thành Sāvatti, nhân sự kiện lễ hội thác loạn.

Tại Sāvatti có một thời tung bùng lễ hội thác loạn. Trong bảy ngày lễ hội ấy dân chúng như những kẻ điên khùng, lấy bùn đất và phân bò thoa trét trên thân thể rồi đi lang thang, gặp bất cứ ai, kể cả quyền thuộc hoặc các bậc tu hành, họ đều tuôn ra những lời khiếm nhã thô tục; Hay họ đứng trước cửa nhà trong thành mà vắng tục, người ta không muốn nghe phải cho tiền họ để tống tiễn, như tống ôn dịch vậy.

Trong tuần lễ ấy, các vị thánh cư sĩ đã khẩn thỉnh bậc Đạo Sư và tăng chúng ở yên trong chùa, không vào thành khát thực, họ sẽ gửi vật thực đến chùa cúng dường cho quý Ngài.

Bảy ngày lễ hội thác loạn chấm dứt, các gia đình cư sĩ trong thành cung thỉnh đức Phật và chúng tỳ kheo về nhà họ cúng dường. Sau bữa ăn, họ ngồi lại hầu chuyện với đức Phật, họ thưa rằng trong bảy ngày qua họ rất khổ sở, bị quấy rầy với những lời khiếm nhã của những kẻ cuồng ngông, họ không đi ra khỏi nhà, thậm chí không dám mở cửa nhà, chính vì vậy các cư sĩ đã thỉnh đức Thế Tôn và chư Tăng ở yên tại chùa. Sau khi nghe các cư sĩ kể lể, đức Phật đã dạy rằng: Những con người phóng túng như vậy là những kẻ ngu si thiếu trí, còn các bậc trí thì giữ hạnh không phóng túng như giữ tài sản quý, nên đạt đến níp bàn bất tử. Rồi bậc Đạo Sư đã nói lên hai bài kệ: *Pamādamanuyuñjanti .v.v..* khi pháp thoại chấm dứt có nhiều người đã chứng quả Dự lưu.

\*

**Chánh văn:** Pamādamanuyuñjanti  
bālā dummedhino janā  
appamādañca medhāvī

**dhanam setṭham' va rakkhati.**

(dhp 26)

**Mā pamādamanuyuñjetha  
mā kāmaratisanthavaṃ  
appamatto hi jhāyanto  
pappoti vipulaṃ sukhaṃ.**

(dhp 27)

\*

### **Thích văn:**

**pamādamanuyuñjanti** [hợp âm (**pamādam anuyuñjanti**)]  
**pamādam** [đổi cách số ít của danh từ nam tính **pamāda**] sự dễ duôi, sự phóng  
túng, sự buông lung.

**anuyuñjanti** [thì hiện tại ngôi III số ít của động từ **anuyuñjati** (anu + √yuj +  
ṃ\_a)] bắt tay vào, lao vào, liên kết với, sống theo.

**bālā** [chủ cách số nhiều của danh từ nam tính **bāla**] những kẻ ngu, những kẻ  
ngông cuồng.

**dummedhino** [chủ cách số nhiều nam tính của danh từ hợp thể **dummedhī**  
(du + medha + ī)] thiếu trí, không sáng suốt, thiếu khôn ngoan.

**janā** [chủ cách số nhiều của danh từ nam tính **jana**] dân chúng, quần chúng,  
những con người.

**appamādañca** [hợp âm (**appamādam ca**)]  
**appamādam** [đổi cách số ít của danh từ nam tính **appamāda** (na + pamāda)]  
sự không dễ duôi, sự không phóng túng, sự không buông lung.

**medhāvī** [chủ cách số ít của danh từ trung tính **medhāvī**] bậc trí, người sáng  
suốt, người khôn ngoan.

**dhanam** [chủ cách số ít của danh từ trung tính **dhana**] tài sản, của cải.

**setṭham** [đối cách số ít trung tính của tính của tính từ **setṭha**] cao quý, cảo cả, quý báu nhất.

**iva** [bất biến từ tử giáo] ví như, như là.

**rakkhati** [thì hiện tại ngôi III số ít của động từ **rakkhati** ( $\sqrt{\text{rakkha}} + a$ ) giữ gìn, hộ trì, bảo vệ.

**mā** [bất biến từ] đừng, chớ có.

**anuyuñjetha** [khả năng cách *attanopada* ngôi III số ít của động từ **anuyuñjati**] bắt tay vào, lao vào, liên kết với, sống theo.

**kāmaratisanthavam** [đối cách số ít của danh từ hợp thể **kāmaratisanthava** (*kāma + rati + santhava*)] sự đắm say dục lạc, sự quyến luyến dục lạc.

**appamatto** [chủ cách số ít nam tính của tính từ **appamatta** (*na + pamatta*)] không dễ duôi, không xao lãng.

**hi** [bất biến từ] thật vậy, bởi vì.

**jhāyanto** [chủ cách số ít và số nhiều của hiện tại phân từ **jhāyanta** (*cơ bản jhāna + nta*)] đang hành thiền, đang tu thiền.

**pappoti** [thì hiện tại ngôi III số ít, động từ **pappoti** \_ hình thức giản lược từ động từ **pāpuṇāti** (*pa +  $\sqrt{\text{ap}}$* )] đến nơi, chứng đắc, đạt được.

**vipulam** [đối cách số ít của tính từ **vipula**] rộng lớn, bao la.

**sukham** [đối cách số ít của danh từ trung tính **sukha**] sự an lạc, sự an vui, hạnh phúc.

\*

**Việt văn:** Chúng ngu si thiếu trí  
sống lãn xả phóng túng  
người trí không dễ duôi  
như giữ tài sản quý.

(pc 26)

Chớ lẩn xả phóng túng  
chớ đắm say dục lạc  
không dễ duôi, thiên định  
đạt được an lạc lớn.

(pc 27)

\*

### **Chuyển văn:**

*Bālā dummedhino janā pamādaṃ anuyuñjanti, medhavī ca appamādaṃ rakkhati setthaṃ dhanaṃ iva.*

Những con người cuồng nông thiếu trí lao vào cách sống phóng túng, còn bậc trí thì giữ cách sống không dễ duôi như giữ tài sản quý.

*Mā pamādaṃ anuyuñjetha mā kāmaratisanthavaṃ anuyuñjetha, appamatto hi jhāyanto vipulaṃ sukhaṃ pappoti.*

Chớ có sống phóng túng, chớ có đắm say dục lạc, thật vậy, người tu thiên không dễ duôi sẽ đạt được hạnh phúc lớn lao.

\*

### **Lý giải:**

Trong hai bài kệ này, bài kệ trước đức Phật mô tả hai cách sống của người trí và người ngu. Người ngu có cách sống phóng túng dễ duôi, không biết kèm chế hành vi lời nói của mình, trâng tráo không hổ thẹn, như đám người trong câu chuyện, tự do nói thô tục chửi mắng bất cứ ai họ gặp vì là ngày lễ hội. Người trí thì biết hổ thẹn ngượng ngùng nên luôn giữ cho mình nếp sống chừng mực, không dễ duôi phóng túng, tựa như một người giữ gìn tài sản quý báu vậy.

Cũng nhân sự việc này, ở bài kệ sau đức Phật dạy thêm pháp tu tập cho hàng đệ tử: chớ có sống dễ duôi! chớ có đắm mê dục lạc! phải chuyên cần thiên định, vì người có chánh niệm tinh táo trong mọi hành động người ấy sẽ đạt được an lạc lớn. Câu nói: “*Appamatto hi jhāyanto pappoti vipulaṃ sukhaṃ* \_ không dễ duôi, thiên định đạt được an lạc lớn”, Chú giải đã giải thích là “*upatthitassatitāya hi appamatto jhāyanto puggalo vipulaṃ uḷāraṃ nibbānasukhaṃ pāpuṇāti*”, nghĩa là “Người an

trú niệm là người không dễ duôi, là người tu thiền, người ấy sẽ chứng được lạc níp bàn, lớn lao, tuyệt hảo”.

Như vậy, an lạc lớn (*vipulaṃ sukhaṃ*) tức là lạc níp bàn (*nibbānasukhaṃ*).

***Biên soạn giáo trình: Tỳ khuru Tuệ Siêu***